

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 01 - 2022

“V/vLy hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Phú
2. Ông Nguyễn Quốc Đồng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Chị Trần Thị T, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn Nam Minh L, xã Quảng M, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Lê L, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn Nam Minh L, xã Quảng M, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa thì nguyên đơn, chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Lê L lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng M, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình (Nay là thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình) ngày 30/5/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn Nam Minh L, xã Quảng M, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L thường xuyên rượu chè, gây gổ, đánh đập chị. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Lê D, sinh ngày 19/8/1994; Lê Viết H, sinh ngày 14/6/1998 và Lê Minh H, sinh ngày 03/6/2008. Hai con chung Lê D và Lê Viết H đã trưởng thành và có thể tự lập nuôi sống bản thân, còn con gái Lê Minh H đang còn nhỏ, chị Tuyền có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Lợi cấp dưỡng nuôi con chung vì có khả năng và điều kiện.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/11/2021, biên bản hòa giải, tại phiên tòa anh Lê L trình bày: Anh và chị Trần Thị Tuyền có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của chị T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Nam Minh L, xã Quảng M, thị xã Ba Đ. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng dần xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T có ngoại tình với người đàn ông khác nên anh có chửi bới, to tiếng với chị T. Hiện nay chị Tuyền đã chuyển về ngoại sinh sống, chặn liên lạc với anh, nay anh vẫn còn tình cảm với chị T và anh là người công giáo nên không thể giải quyết ly hôn được. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý, mà tùy theo pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Lê D, sinh ngày 19/8/1994; Lê Viết H, sinh ngày 14/6/1998 và Lê Minh H, sinh ngày 03/6/2008. Hai con chung Lê D và Lê Viết H đã trưởng thành và có thể tự lập nuôi sống bản thân, sau này muốn ở với ai cũng được, còn con gái Lê Minh H hiện đang ở với chị T, nếu ly hôn thì con ở với ai là tùy nguyện vọng của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê L, cư trú tại: thôn Nam Minh L, xã Quảng M, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê L yêu nhau tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/5/1994 tại UBND xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng về sống tại xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh L thường hay gây gổ, đánh đập chị Tuyền và nghi ngờ chị Tuyền có ngoại tình với người đàn ông khác nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị Tuyền làm đơn ly hôn anh, mặc dù anh L không đồng ý nhưng anh cũng không thể hiện có sự níu kéo nào, hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến

ai. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 03 con chung là Lê D, sinh ngày 19/8/1994; Lê Viết H, sinh ngày 14/6/1998 và Lê Minh H, sinh ngày 03/6/2008. Hai con chung Lê D và Lê Viết H đã trưởng thành và có thể tự lập nuôi sống bản thân, còn con gái Lê Minh H hiện đang ở với chị T, nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không có yêu cầu anh Lợi cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ khả năng và điều kiện. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H đang còn nhỏ, hiện đang được chị Tuyến nuôi dưỡng cho ăn học ổn định, mặt khác cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy giao cháu Lê Minh H cho chị Tuyến trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh L cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Lê L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lê L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Minh H, sinh ngày 03/6/2008 cho chị Trần Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (18 tuổi). Anh Lợi không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị Tuyến có đủ khả năng và điều kiện.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003261 ngày 12 tháng 10 năm 2021. (Chị Tuyến đã nộp đủ tiền án phí).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/01/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương